

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ Q  
TỈNH N**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2020/HNGĐ-ST

Ngày 02/7/2020

V/v: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH N**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Túc.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Tấn

2. Bà Nguyễn Thị Anh Thư

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Đặng Thị Ngọc Như - Thư ký Tòa án nhân dân THÀNH PHỐ Q, TỈNH N.

Ngày 02/7/2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân THÀNH PHỐ Q, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 86/2020/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2020 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2020/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2020/QĐST – HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Thùy L, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Ấp Long Bình 1, xã Long Phú, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

*Bị đơn:* Anh Huỳnh Đăng K, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Tổ 4, phường Q, THÀNH PHỐ Q, TỈNH N.

Chị L và anh K đều vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện ngày 18/02/2020, đơn trình bày và đề nghị ngày 21/5/2020, nguyên đơn chị Lê Thị Thùy L trình bày: Chị và anh Huỳnh Đăng K tự nguyện tìm hiểu nhau và kết hôn vào ngày 30/12/2014 tại Ủy ban nhân dân phường Q, THÀNH PHỐ Q, TỈNH N.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng ý kiến nên không thể cùng nhau chung sống, chị đã về nhà mẹ đẻ của chị sinh sống từ năm 2018 đến nay, trong thời gian ly thân anh K không liên hệ gì với chị, không muốn hàn gắn mâu thuẫn. Chị không còn tình cảm gì với anh K nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Huỳnh Đăng K.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không có.

Nợ chung: Không có.

Tại bản trình bày ngày 16/6/2020 bị đơn anh Huỳnh Đăng K trình bày: Chị L có nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh, anh đồng ý ly hôn với chị L và thống nhất lời trình bày của chị L về con chung, tài sản chung, nợ chung. Anh đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về phần thủ tục tố tụng: Chị Lê Thị Thùy L có đơn khởi kiện về việc "Ly hôn" đối với anh Huỳnh Đăng K có địa chỉ tại: Số nhà 86 đường Nguyễn Đình Chiểu, tổ 4, phường Quảng Phú, THÀNH PHỐ Q, TỈNH N. Tòa án nhân dân THÀNH PHỐ Q, TỈNH N đã thụ lý vụ án đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, đúng thẩm quyền quy định tại Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân THÀNH PHỐ Q đã tổng đạt các thông báo, giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và các văn bản tố tụng khác theo quy định của pháp luật cho các bên đương sự. Tuy nhiên, tại phiên tòa lần thứ nhất vào ngày 17/6/2020 anh Huỳnh Đăng K là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ mà vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất không có lý do nên Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa. Ngày 18/6/2020 Tòa án nhân dân THÀNH PHỐ Q đã nhận được Bản trình bày do anh Huỳnh Đăng K ghi với nội dung anh đồng ý ly hôn với chị L và thống nhất yêu cầu của nguyên đơn, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa lần thứ hai ngày 02/7/2020 Tòa án cũng đã tổng đạt hợp lệ quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh Huỳnh Đăng K vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn anh Huỳnh Đăng K theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227, khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn là chị Lê Thị Thùy L đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt vào ngày 21/5/2020 nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn là đúng theo qui định tại khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Thùy L và anh Huỳnh Đăng K kết hôn trên cơ sở tình yêu tự nguyện, được tự do tìm hiểu, không bị ai lừa dối kết hôn hay bị cưỡng ép kết hôn và có đăng ký kết hôn vào ngày 30/12/2014 tại Ủy ban nhân dân phường Quảng Phú, THÀNH PHỐ Q, TỈNH N. Điều đó phù hợp với Giấy chứng nhận kết hôn của chị L và anh K do Ủy ban nhân dân phường Quảng Phú, THÀNH

PHỐ Q, TỈNH N cấp và chị L giao nộp bản chính tại hồ sơ vụ án. Do đó Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Tại đơn khởi kiện, đơn trình bày, đơn đề nghị có trong hồ sơ, chị L khai nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng ý kiến nên vợ chồng không thể nói chuyện với nhau, tình cảm vợ chồng không còn nữa, vợ chồng không thể cùng nhau chung sống nên từ năm 2018 đến nay chị L về phía mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Tại bản trình bày ngày 16/6/2020, anh K trình bày anh đồng ý ly hôn với chị L, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh. Sau khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, anh không tham gia các buổi làm việc, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, chứng tỏ anh K không có thiện ý trong việc hàn gắn tình cảm vợ chồng giữa anh và chị L. Điều đó chứng tỏ vợ chồng chung sống với nhau không hạnh phúc, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy cần áp dụng Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L về việc xin ly hôn anh Huỳnh Đăng K.

[3] Về con chung: Chị L và anh K trình bày không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị L và anh K trình bày không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị L và anh K trình bày không có nợ tài sản của ai nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc chị Lê Thị Thùy L phải chịu 300.000 đồng án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền chị L đã nộp tại biên lai thu số AA/2018/0003329 ngày 24/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự THÀNH PHỐ Q.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào: Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thùy L được ly hôn anh Huỳnh Đăng K.

- Về con chung: Chị L và anh K trình bày không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị L và anh K trình bày không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Chị L và anh K trình bày không có nợ tài sản của ai nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị Thùy L phải chịu 300.000 đồng án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền chị L đã nộp tại biên lai thu số AA/2018/0003329 ngày 24/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự THÀNH PHỐ Q.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị Lê Thị Thùy L, anh Huỳnh Đăng K không có mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày chị L, anh K nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND TỈNH N;
- VKSND TP.Q;
- Chi cục THADS TP.Q;
- UBND phường Q;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Thị Túc**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Cao Trung – Ngô Thị Mai Du**

**Trần Thị Túc**